

CHUYỂN ĐỘNG HƯ CẤU TRONG TIẾNG VIỆT: BƯỚC ĐẦU NGHIÊN CỨU TRÊN MIỀN THỜI GIAN

Phùng Diệp Phương Uyên

Khoa Khoa học Xã hội và Nghệ thuật, Trường Đại học Sài Gòn

Email: uyenphung1712@gmail.com

Ngày nhận bài: 13/3/2026; ngày hoàn thành phản biện: 16/4/2026; ngày duyệt đăng: 22/6/2026

TÓM TẮT

Chuyển động hư cấu là vấn đề được nhiều nhà Tri nhận luận quan tâm nghiên cứu trong mấy thập niên gần. Trong bài báo này, trên cơ sở hệ thống phân loại chuyển động hư cấu của Talmy, chúng tôi tiến hành khảo sát và phân tích chuyển động hư cấu ở miền thời gian tiếng Việt. Kết quả nghiên cứu cho thấy, ở miền thời gian, tiếng Việt có đầy đủ các loại chuyển động hư cấu theo mô hình phân loại của Talmy, bao gồm: Đường xuất hiện, Đường tiếp cận, Đường phát xạ, Chuyển động tương đối theo khung, Đường đồng diễn, Đường mô thức. Với chuyển động hư cấu Đường phát xạ, miền thời gian tiếng Việt chỉ có tiểu loại Đường cảm giác và Đường đổ bóng mà không có các tiểu loại còn lại. Những phân tích bước đầu về chuyển động hư cấu trong tiếng Việt, giới hạn ở miền thời gian cho phép ứng dụng và kiểm chứng lý thuyết do Talmy đề xuất trên một ngôn ngữ mới, đồng thời góp thêm một góc phân tích về cách người Việt tri nhận và biểu đạt thời gian.

Từ khóa: Chuyển động hư cấu, miền thời gian, tiếng Việt.

1. DẪN NHẬP

Chuyển động hư cấu là vấn đề được các nhà Ngôn ngữ học tri nhận quan tâm từ những năm 80 của thế kỉ XX. Cho đến nay, hiện tượng ngôn ngữ này đã được tiếp cận từ nhiều mô hình lý thuyết khác nhau, chẳng hạn lý thuyết về các loại chuyển động hư cấu của Talmy [13], [15], [16], [17], [18], lý thuyết về hư cấu ngôn ngữ và sao quét tinh thần của Langacker [8], [9], lý thuyết về ẩn dụ ý niệm của Lakoff [5], Lakoff và Johnson [6], lý thuyết pha trộn và tích hợp ý niệm của Fauconnier và Turner [4]. Ở Việt Nam, tác giả Dương Hữu Biên [3] là người đầu tiên xác lập các kiểu kết cấu chuyển động hư cấu trong tiếng Việt từ cách tiếp cận của Ngữ pháp kết cấu, trong đó ông phân tích các đặc điểm ngữ nghĩa cốt lõi cũng như các chế định của mỗi loại kết cấu, xây dựng mạng lưới

tương tác giữa các kiểu chuyển động hư cấu trong tiếng Việt dựa trên tính chủ quan và tính trừu tượng của chúng. Công trình của Dương Hữu Biên hướng đến các chuyển động hư cấu nói chung, do vậy không đi vào chuyển động hư cấu ở miền thời gian.

Trong bài báo này, từ việc áp dụng hệ thống phân loại chuyển động hư cấu của Talmy, chúng tôi xác lập và mô tả các loại chuyển động hư cấu ở miền thời gian tiếng Việt. Ngữ liệu trong bài báo được lấy từ khối liệu Việt ngữ trên <https://s.ngonngu.net/corpus/>, nơi tập hợp các trang web chính thống uy tín như tuoitre.vn, thanhnien.vn, plo.vn, v.v.. Ngữ liệu được khảo sát theo từ khoá là các danh từ, danh ngữ chỉ thời gian, bao gồm các từ *giây, phút, ngày, đêm, tháng, năm, thế kỉ, mùa xuân, mùa hè/hạ, mùa thu, mùa đông*), *hiện tại, quá khứ, tương lai, thời gian, khoảnh khắc* và các danh từ, danh ngữ chỉ tuổi, thời đoạn trong cuộc đời con người *tuổi trẻ, thanh xuân, tuổi già, cuộc đời*¹, từ đó lọc ra các trường hợp có chứa động từ chuyển động kết hợp với các danh từ này; đó sẽ là các diễn ngữ biểu đạt chuyển động hư cấu ở miền thời gian tiếng Việt. Kết quả, chúng tôi khảo sát được 400 trường hợp làm ngữ liệu phân tích.

2. NỘI DUNG

2.1. Các vấn đề lý thuyết

2.1.1. Khái niệm chuyển động hư cấu

Khái niệm chuyển động hư cấu² được xác lập trong tương quan với chuyển động thực. Chuyển động thực là sự thay đổi về vị trí của vật thể trong thời gian. Ví dụ: (1) *Tàu đang chạy vào sân ga*. Trong ví dụ này, tàu là vật thể trải qua quá trình thay đổi vị trí. Chuyển động thực được biểu đạt trong ngôn ngữ thông qua các động từ chuyển động như *bay, chạy, đi, bò*, v.v.. Các động từ này được sử dụng theo nghĩa gốc. Chuyển động hư cấu là chuyển động được gán cho các vật thể vô tri/ bất động, các trạng thái tinh thần, cảm xúc của con người hoặc các khái niệm trừu tượng vốn không thể di chuyển trong không gian vật lý [6]. Để biểu đạt chuyển động hư cấu, ngôn ngữ đi theo xu hướng chuyển nghĩa ẩn dụ cho các động từ chuyển động. Ví dụ:

(2) *Người ta phải tạm khôi phục lại ở phía hạ lưu cây cầu phao đã chiến từ hồi cuộc chiến leo thang ác liệt để phân luồng giao thông, giảm bớt cảnh ùn tắc.*

¹ Chúng tôi lựa chọn thêm các danh từ này để khảo sát chuyển động hư cấu ở miền thời gian tiếng Việt là do mỗi tuổi tương ứng với thời khoảng một năm; mặt khác người Việt nhận thức và ứng xử với tuổi đời tương tự như cách họ nhận thức ứng xử với thời gian [10].

² Ngoài tên gọi chuyển động hư cấu [16], hiện tượng ngôn ngữ này còn được định danh bằng nhiều thuật ngữ khác, chẳng hạn: chuyển động ảo [14], chuyển động chủ quan [9], chuyển động trừu tượng [9], chuyển động ẩn dụ [12], chuyển động phi thực [1]. Dù tên gọi có sự khác biệt song các tác giả đều nhấn mạnh vào tính không có thực của chuyển động xét theo hệ quy chiếu không gian vật lý.

Trong ví dụ trên, cuộc chiến là một khái niệm trừu tượng được gán cho thuộc tính chuyển động. Ở cách dùng này, từ *leo* đã có sự phát triển nghĩa: chỉ sự gia tăng nhanh chóng về mức độ khốc liệt của cuộc chiến.

Những cách dùng động từ chuyển động như ở ví dụ (2) phản ánh hiện tượng mô phỏng chuyển động thực trong thế giới tinh thần của con người [2], [11].

Như vậy chuyển động hư cấu là một kiểu diễn đạt ẩn dụ về sự vận động phi thực, diễn ra trong không gian ý niệm. Nó là một cơ chế nhận thức phổ quát, giúp con người tổ chức và diễn đạt thế giới vật lý lẫn thế giới trừu tượng thông qua lăng kính vận động. Chuyển động hư cấu cho thấy ngôn ngữ không chỉ là phương tiện mô tả thế giới mà còn là phương tiện “kiến tạo” thế giới. Ở bài báo này, chúng tôi hướng đến phân tích chuyển động hư cấu ở miền thời gian tiếng Việt như một trường hợp để khám phá cách một cộng đồng bản ngữ nhận thức và mã hóa kinh nghiệm trong không gian tinh thần của họ.

2.1.2. Lý thuyết chuyển động hư cấu của Talmy

Talmy [19] phân loại các mô hình chuyển động hư cấu gồm 6 dạng cơ bản như:

- Đường xuất hiện (Advent paths): Loại chuyển động hư cấu này được sử dụng để miêu tả vị trí của một vật thể bất động như thể nó vừa đến vị trí đó. Ví dụ:

(3) *Tháp truyền hình vươn tới bầu trời.*

Trong ví dụ trên, tháp truyền hình không thực sự di chuyển, nó là một thực thể tĩnh. Sự hiện diện của nó trong không gian được ý niệm hoá là kết quả của một quá trình chuyển động (vuơn tới bầu trời). Chuyển động được phản ánh do vận mang tính hư cấu.

- Đường tiếp cận (Access paths): Đây là loại chuyển động mà chủ thể ý niệm hóa được biểu hiện như đang di chuyển theo một lộ trình để tiếp cận một đối tượng vốn đứng yên. Bản thân chủ thể tri nhận lẫn đối tượng đều không di chuyển, tuy nhiên tương quan vị trí giữa chúng được tổ chức như một hành trình tiếp cận. Ví dụ:

(4) *Lối mòn này dẫn đến khu rừng.*

Trong ví dụ trên, cả lối mòn lẫn khu rừng đều không có khả năng di chuyển. Quá trình chuyển động do vậy thuộc về nhận thức của chủ thể quan sát, không phải của vật thể thực trong không gian. Nói cách khác chuyển động hư cấu trong trường hợp này là chuyển động tiếp cận của người tri nhận.

- Chuyển động tương đối theo khung (Frame-relative motion): Đây là một sự đảo ngược nhận thức đầy tinh tế: thay vì mô tả vật thể chuyển động trong khung tĩnh, ngôn ngữ lại mô tả khung quy chiếu tĩnh như đang chuyển động so với vật thể. Sự đảo ngược này cho phép chúng ta trải nghiệm chuyển động một cách chủ quan từ góc nhìn của chính mình hoặc vật thể tĩnh. Có thể hiểu đơn giản là loại chuyển động này mô tả môi trường xung quanh bất động thành như thể đang chuyển động. Ví dụ:

(5) *Tôi ngồi trong xe và nhìn cảnh vật lướt qua tôi.*

Trong ví dụ trên, cảnh vật vốn là phong nền tĩnh, tuy nhiên lại được miêu tả bằng kết cấu động từ chuyển động. Chuyển động do vậy mang tính hư cấu, đối lập với chuyển động thực của ‘tôi’ và ‘xe’.

- Đường đồng diễn (Coextension paths): Đây là chuyển động hư cấu mà hình dạng, định hướng hoặc vị trí của một thực thể thực hữu phân bố trong không gian được biểu đạt bằng lộ trình hư cấu bao chứa toàn bộ phạm vi của thực thể. Ví dụ:

(6) *Trên ao có một nhịp cầu khum khum úp lấy mặt nước chạy từ bờ ngoài vào bờ trong.*

Trong ví dụ này, dạng thức trải dài trong không gian của cây cầu được miêu tả như một quá trình chuyển động theo lộ trình ‘từ bờ ngoài vào bờ trong’, lộ trình này bao chứa toàn bộ phần không gian mà cây cầu chiếm giữ.

- Đường phát xạ (Emanation paths): Loại chuyển động này dùng để mô tả một thực thể vô hình xuất phát từ nguồn, gồm bốn tiểu loại:

+ Đường định hướng (Orientation paths): Là “một đường liên tục nối lên đều đặn từ phía trước của vật thể nguồn” [19, tr. 9]. Talmy chia đường định hướng làm hai tiểu loại: đường phóng chiếu phía trước (Prospect Paths), trong đó vật thể nguồn có một mặt phẳng từ đó đường hư cấu xuất hiện vuông góc về phía trước, chẳng hạn: (4) *The cliff wall faces away from the Island* (Vách đá nhô ra khỏi đảo) và đường chỉ hướng (Demonstrative Paths), trong đó vật thể nguồn thẳng hàng với một mặt phẳng phía trước từ đó đường hư cấu xuất hiện dọc theo trục, chẳng hạn như (5) *The arrow on the signpost points toward the village* (Mũi tên trên tấm biển báo chỉ về phía ngôi làng).

+ Đường toả tia (Radiation paths): Loại chuyển động này được mô tả với “bức xạ liên tục thoát ra từ một nguồn năng lượng và di chuyển đều đặn ra xa nó” [17, tr. 111]. Ví dụ:

(6) *Ánh sáng mặt trời chiếu rọi vào trong hang động.*

+ Đường đổ bóng (Shadow path): Được hiểu như là “bóng của một vật thể hữu hình trên một bề mặt đã di chuyển một cách chủ động từ vật thể đến bề mặt đó” [17, tr. 114]. Ví dụ:

(7) *Cái cột đổ bóng vào tường.*

+ Đường cảm giác (Sensory paths): Theo Talmy, với loại chuyển động này, thực thể hư cấu là một đường cảm giác liên tục, được ý niệm hoá là di chuyển từ một chủ thể trải nghiệm theo một lộ trình thẳng trong không gian đến một đối tượng ở xa [17]. Ví dụ:

(8) *Tôi nhìn xuống thung lũng.*

Khác với đường phát xạ, nơi nguồn phát là một thực thể vật lý (ánh sáng, nhiệt), ở đường cảm giác, nguồn phát là ý thức của chủ thể.

- Đường mô thức (Pattern paths): Đây là loại chuyển động hư cấu phát sinh từ cấu trúc phân bố tuần tự của các thành tố trong một mô thức không gian. Các thành tố cấu thành nên mô thức được ý niệm hoá là đang di chuyển hư cấu. Loại này cho thấy ngôn ngữ quan tâm đến tổ chức và hình dạng tổng thể hơn là vật chất cấu thành. Ví dụ:

(9) *Dòng người chảy qua quảng trường.*

Trong ví dụ trên, không có một Hình (Figure) đơn lẻ đang di chuyển. Chính cấu trúc phân bố của các thành tố tạo nên dòng người tạo ra ấn tượng chuyển động. Khác với Đường đồng diễn, nơi chuyển động hư cấu liên quan đến một thực thể liên tục, dạng chuyển động này nhấn mạnh đến cấu trúc lặp, sự phân bố của các thành tố cấu thành mô thức.

Lý thuyết của Talmy nhấn mạnh các quá trình nhận thức liên quan đến việc hiểu và diễn đạt chuyển động, cả thực tế và hư cấu, do vậy nó cho phép bao quát các kiểu loại đường đi và phương thức chuyển động ở miền thời gian tiếng Việt, giúp làm sáng tỏ cách người Việt ý niệm hoá chuyển động ở miền trù tượng này.

2.2. Các loại chuyển động hư cấu ở miền thời gian tiếng Việt

Từ dữ liệu khảo sát, chúng tôi tiến hành thống kê và phân loại các loại chuyển động hư cấu ở miền thời gian tiếng Việt. Bảng dưới đây trình bày kết quả của quá trình này.

Bảng 2.1. Thống kê tần suất xuất hiện của các loại chuyển động hư cấu ở miền thời gian tiếng Việt

Các loại chuyển động hư cấu ở miền thời gian tiếng Việt	Tần suất xuất hiện	Tỷ lệ %
Đường xuất hiện	168	4
Đường tiếp cận	112	28
Chuyển động tương đối theo khung	60	15
Đường đồng diễn	40	10
Đường phát xạ	14	3,5
Đường mô thức	6	1.5

Bảng trên cho thấy mức độ phổ biến cũng như trật tự phân tầng của từng loại chuyển động hư cấu ở miền thời gian tiếng Việt. Chiếm tỉ lệ cao nhất là Đường xuất hiện với 168 trường hợp, chiếm 42% tổng mẫu phân tích. Con số này cung cấp bằng chứng

thuyết phục rằng nhận thức về chuyển động ở miền thời gian của người Việt thiên về mô hình tri nhận Thời gian chuyển động, nơi thời gian được vật thể hoá và chủ động tịnh tiến về phía chủ thể. Tiếp theo là Đường tiếp cận với 112 lượt xuất hiện, chiếm 28%. Loại chuyển động này đại diện cho chiều ngược lại, nơi người quan sát chuyển động trong dòng thời gian. Hai nhóm vừa trình bày chiếm tới 70% dữ liệu, như vậy đây chính là trục tư duy thời gian cốt lõi. Các loại Chuyển động tương đối theo khung và Đường đồng diễn lần lượt chiếm tỷ lệ trung bình 15% (60 lượt) và 10% (40 lượt). Đây là các loại chuyển động hư cấu phản ánh góc nhìn chiêm nghiệm hoặc định lượng về độ dài sự kiện. Hai loại còn lại, Đường phát xạ và Đường mô thức, nằm ở vùng ngoại vi của biểu đồ nhận thức với tỷ trọng không đáng kể, lần lượt là 3,5% và 1,5%. Đây là hai phương thức biểu đạt mang tính hình tượng cao và ít phổ biến trong các biểu đạt thời gian của người Việt.

Dưới đây bài báo đi vào mô tả từng loại chuyển động hư cấu ở miền thời gian trong tiếng Việt.

2.2.1. Đường xuất hiện

Đường xuất hiện phản ánh tư duy chủ đạo xem thời gian là khách thể chuyển động trong tiếng Việt. Cứ liệu khảo sát cho thấy loại chuyển động hư cấu này được biểu đạt thông qua các động từ chuyển động như *đến, về, tới, sang*. Ví dụ:

(10) *Mùa xuân đến.*

Mùa xuân là một ý niệm thời gian trừu tượng. Mùa xuân được nhận thức thông qua sự thay đổi và xuất hiện của các sự vật, hiện tượng cụ thể như sự đâm chồi, nảy lộc, ra hoa của cây cối, sự tăng lên của nhiệt độ, sự xuất hiện của mưa bụi đặc trưng cho mùa. Chính vì vậy chuyển động của mùa xuân là chuyển động của một thực thể trừu tượng, tức nó là chuyển động hư cấu. Khi các đặc trưng của mùa xuân hiện diện trong không gian, mùa xuân được tri nhận và biểu đạt là *đến*, chính vì thế sự xuất hiện của ‘mùa xuân’ ở ví dụ (10) thuộc về chuyển động hư cấu Đường xuất hiện.

Sự xuất hiện của một thời điểm, thời khoảng trong tiếng Việt được biểu đạt bằng động từ chuyển động với chủ thể chuyển động là thời gian sẽ thuộc loại chuyển động hư cấu Đường xuất hiện. Loại chuyển động hư cấu này cho thấy rằng người Việt hình dung thời gian như một thực thể động di chuyển hướng về phía người quan sát. Các biểu đạt của Đường xuất hiện do vậy khắc hoạ sinh động tư duy coi thời gian là một lực lượng khách quan, tự vận động chứ không chỉ là một khung cảnh hướng tĩnh.

2.2.2. Đường tiếp cận

Trong loại chuyển động hư cấu Đường tiếp cận, mối quan hệ giữa con người và thời gian được xác lập dựa trên cơ chế tri nhận khác với Đường xuất hiện. Trong mô hình này, Ego (người quan sát) đóng vai trò chủ thể vận động thực hiện các hành vi di chuyển dọc theo lộ trình để tiếp cận các mốc thời gian. Ở chiều ngược lại, thời gian được

tri nhận tương tự như thực thể “không gian”, đóng vai trò là đích đến tĩnh tại của Ego. Kết quả khảo sát cho thấy các động từ, kết cấu động từ biểu đạt loại chuyển động hư cấu này trong tiếng Việt gồm *vào, sang, bước vào, bước sang*. Ví dụ:

(11) a. *Bước vào thế kỷ mới, quan hệ đôi tác hợp tác chiến lược toàn diện hai nước không ngừng đi sâu, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân hai nước.*

b. *Sang xuân anh sẽ về!*

Biểu đạt thời gian *thế kỷ mới, xuân* ở các ví dụ (11) trên chỉ đích đến của chủ thể chuyển động.

Chuyển động hư cấu Đường tiếp cận ở miền thời gian tiếng Việt còn có một biến thể khác trong đó thời gian là chủ thể của quá trình chuyển tác, tạo tác; kết quả của quá trình chuyển tác, tạo tác là thực thể trừu tượng mà Ego tiếp cận và trải nghiệm. Ego trong trường hợp này được hiểu ngầm ẩn. Ví dụ:

(12) a. *Năm mới mở ra vận hội mới cho dân tộc, đất nước.*

b. *Năm mới đem lại không khí tràn trề lạc quan và hy vọng...*

Ở các ví dụ trên, *mở ra, đem lại* mang nghĩa tạo tác (12a), chuyển tác (12b). Sự tình thời gian ‘năm mới’ đóng vai trò tác thể. Vận hội mới, sự lạc quan và hi vọng trong năm mới chính là thực thể trừu tượng mà Ego sẽ tiếp cận và trải nghiệm.

Để biểu đạt biến thể chuyển động hư cấu này, tiếng Việt sử dụng các kết hợp *mở ra, đem lại, đem đến, mang lại, mang đến, đưa đến*.

Như vậy, dù thời gian là đích đến hay là tác thể, đều tồn tại quá trình tiếp cận của người quan sát đối với đích hoặc kết quả của quá trình do tác thể thời gian tạo ra.

2.2.3. Chuyển động tương đối theo khung

Khác với trường hợp Đường xuất hiện, đối với loại chuyển động hư cấu này, thời gian được biểu đạt là chuyển động rời xa người quan sát. Ví dụ:

(13) a. *Ngày nay, thời của bất ổn và lo sợ đã lùi xa.*

b. *Thời gian đã lùi xa hơn 750 năm.*

c. *Càng thêm tuổi thì ngày tháng cũ càng lùi xa.*

Với các ví dụ ở trên, Lê Thị Cẩm Vân [10] cho rằng Ego - người quan sát - mới là chủ thể vận động, Ego chuyển động về phía trước trong dòng thời gian, còn các sự tình thời gian (lần lượt với các ví dụ trên là ‘thời của bất ổn và lo sợ’, ‘thời gian’, ‘ngày tháng cũ’) càng lúc càng cách xa Ego, chúng đều là các sự tình tĩnh phân bố ở một thời điểm hoặc một thời khoảng quá khứ trên dòng thời gian. Tuy nhiên, trên bề mặt ngôn từ, chúng ta có thể thấy là Ego không được miêu tả là chuyển động, mà thời gian, vốn trong trường hợp này, như được Lê Thị Cẩm Vân [10] chứng minh, là các sự tình tĩnh, lại được

gán cho thuộc tính chuyển động (biểu đạt bằng kết hợp *lùi xa*). Như vậy đã có một sự đảo ngược về trải nghiệm chuyển động, đẩy chuyển động từ người quan sát sang thời gian. Sự đảo ngược này cho phép chúng ta trải nghiệm chuyển động một cách chủ quan từ góc nhìn của người quan sát. Đảo ngược chuyển động chính là đặc điểm phân biệt loại chuyển động hư cấu này so với các loại chuyển động hư cấu khác ở miền thời gian tiếng Việt. Theo quan sát của chúng tôi, tiếng Việt sử dụng các kết hợp *lùi xa* để biểu đạt loại chuyển động hư cấu này.

2.2.4. Đường đồng diễn

Theo khung lý thuyết của Talmy, đây là mô hình chuyển động hư cấu miêu tả một vật thể bất động (như đường, dây, vết nứt, v.v.) như thể nó trải dọc hay di chuyển theo một tuyến đường tưởng tượng. Ở phạm trù thời gian tiếng Việt, vật thể bất động ở đây chính là thời khoảng. Người bản ngữ đã “vật thể hoá” thời khoảng vô hình thành một thực thể tĩnh có hình dáng vật lý. Tuyến đường tưởng tượng trong trường hợp này chính là trục thời gian tuyến tính. Ngữ liệu khảo sát cho thấy người Việt mô tả “vật thể thời gian” phân bố trên trục tuyến tính thông qua các động từ, kết cấu động từ *kéo dài*, *trải dài*. Ví dụ:

- (14) a. *Năm qua kéo dài với bao thách thức.*
b. *Trong kỷ ức của tôi, tuổi 17 là một mùa hè trải dài với tiếng ve râm ran và sắc phượng đỏ rực.*

Trong các ví dụ trên, *kéo dài*, *trải dài* biểu đạt rằng thời gian, chính xác là thời khoảng (‘năm qua’, ‘mùa hè’), vận động dẫn ra dọc theo tuyến đường tưởng tượng. Vốn thời khoảng là những thực thể tĩnh, chiếm một khúc đoạn trên dòng thời gian [10]. Tuy nhiên, trong các ví dụ này, tiếng Việt đã mã hoá sự phân bố của thời khoảng bằng các kết cấu động từ chuyển động. Điều này cho thấy người Việt không chỉ đo đếm thời gian về lượng mà còn hình dung thời khoảng như một vật thể có hình dáng và có khả năng thay đổi hình dáng trong không gian tâm tưởng. Như vậy, cơ chế không gian hoá thời gian trong tri nhận của người bản ngữ đã thực hiện thao tác động hoá thời khoảng, biến nó từ một thực thể tĩnh phân bố dọc theo trục tuyến tính thành một thực thể động.

2.2.5. Đường phát xạ

Ở miền thời gian tiếng Việt, với chuyển động hư cấu đường phát xạ, chúng tôi nhận thấy chỉ tồn tại đường đổ bóng và đường cảm giác. Các kết cấu động từ xuất hiện ở hai tiểu loại chuyển động hư cấu này bao gồm:

- Đường cảm giác: *nhìn lại*, *nhìn về*, *hướng tới*, *hướng về*. Ví dụ:
- (15) a. *Khi nhìn về quá khứ, tôi thấy được sai lầm của mình và rút ra những bài học bổ ích.*
b. *Chúng tôi không quên quá khứ, nhưng quan trọng hơn, chúng tôi đang hướng tới tương lai*

Trong chuyển động hư cấu đường cảm giác, thực thể hư cấu là đường cảm giác, đường này được ý niệm hoá thông qua con đường thị giác là đi từ người quan sát đến sự tình thời gian ở xa (trong các ví dụ trên là ‘quá khứ’ và ‘tương lai’). Nói cách khác, tồn tại một đường liên tục nối từ người quan sát đến quá khứ (như ở (15a)) hoặc tương lai (như ở (15b)) theo hướng nhìn của người quan sát. Cả người quan sát lẫn sự tình thời gian đều trong trạng thái tĩnh. Người quan sát ở vị trí hiện tại.

- Đường đổ bóng:

Trong nhận thức của người Việt, thời gian có bóng. Bằng cứ là trong tiếng Việt tồn tại kết hợp *bóng thời gian*. Bóng thời gian do vậy được hiểu là những thay đổi theo thời gian trên sự vật thực. Khái niệm đổ bóng trong xác lập của Talmy (1997) được xây dựng trên các vật thể thực, bao gồm cả thực thể tạo bóng và thực thể chứa bóng. Tuy nhiên, cộng đồng Việt ngữ cũng như nhiều dân tộc khác gần như tương đồng trong tư duy coi thời gian là vô hình. Như vậy chuyển động hư cấu đường đổ bóng trên miền thời gian tiếng Việt đã có sự điều chỉnh về thực thể tạo bóng: thực thể tạo bóng là vô hình.

Chuyển động hư cấu đường đổ bóng ở miền thời gian tiếng Việt được biểu đạt thông qua các vị từ, kết hợp vị từ *in*, *in hần*, *soi*, *phủ*. Chúng xác lập một đường hư cấu trên đó thời gian được nhận thức là đổ bóng từ bản thân nó lên bề mặt của thực thể trong không gian thực. Ví dụ:

(16) a. Trong căn nhà cấp bốn của ông Bảy, màu thời gian *in hần* trên những lớp rêu phong bám quanh các bức tường.

b. Xa xa, hai bên bờ thấp thoáng những mái đình cổ kính *phủ bóng* thời gian.

c. Cây Gõ vẫn *soi bóng* thời gian.

Trong các ví dụ trên, các thực thể ‘những lớp rêu phong bám quanh các bức tường’, ‘những mái đình cổ kính’, ‘Cây Gõ’ chính là các thực thể trong không gian thực nơi tiếp nhận bóng của thực thể thời gian.

2.2.6. Đường mô thức

Trong loại hình này, người bản ngữ tri nhận thời gian là một thực thể được cấu thành từ các yếu tố bộ phận. Ví dụ:

(17) a. Thế rồi hai con bước vào cuộc đời cha với tất cả những sự tò mò, láu lỉnh cùng những nụ cười chưa lúc nào thôi làm tràn ngập trái tim cha và làm rạn vỡ những tháng ngày đi qua.

b. Rồi không chỉ một lần, sau những phút tĩnh lặng với những năm tháng đang trở lại, thấy tôi ở bên, khi đã dần với ly rượu nhỏ, giọng ông như nghẹn lại.

Trong các ví dụ trên, yếu tố chuyển động không phải là một thực thể liên tục mà là tập hợp các thành tố. Với (17a), tập hợp đó là ‘những tháng ngày’, với (17b) là ‘những tháng năm’. Tập hợp các đơn vị thời gian này được tri nhận là di chuyển tuần tự nối tiếp nhau trên dòng thời gian tạo nên một thực thể tổng thể, giữa các đơn vị có sự lặp lại về cấu trúc, sự phân bố đặc tính chuyển động. Chính đặc điểm này giúp phân biệt chuyển động hư cấu Đường mô thức với chuyển động hư cấu Đường xuất hiện ở miền thời gian. Theo quan sát của chúng tôi, trong tiếng Việt, các yếu tố cấu thành thực thể thời gian là các đơn vị ngày, tháng, năm.

3. KẾT LUẬN

Trong bài báo này, chúng tôi đã bước đầu nhận diện và phân tích sáu loại chuyển động hư cấu ở miền thời gian tiếng Việt, bao gồm: Đường xuất hiện, Đường tiếp cận, Đường phát xạ, Chuyển động tương đối theo khung, Đường đồng diễn, Đường mô thức. Kết quả này cho thấy có thể ứng dụng lý thuyết chuyển động hư cấu của Talmy vào phân tích một miền ý niệm cụ thể trong tiếng Việt. Cú liệu tiếng Việt cho thấy, không phải toàn bộ hệ thống phân loại của Talmy đều hiện diện ở miền thời gian trong ngôn ngữ này. Tiếng Việt chỉ có Đường cảm giác và Đường đổ bóng mà không có các tiểu loại còn lại trong chuyển động hư cấu Đường phát xạ. Điều này cho thấy chuyển động hư cấu ở miền thời gian vừa mang tính phổ niệm vừa có sự biến thiên xuyên ngôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Blomberg, J., & Zlatev, J. (2014). Actual and non-actual motion: Why experientialist semantics needs phenomenology (and vice versa), *Phenomenology and the Cognitive Sciences*, 13(3), 395–418. <https://doi.org/10.1007/s11097-013-9299-x>
- [2]. Dương Hữu Biên (2021). Fictive motion: Some models in cognitive linguistics, *Cogent Arts & Humanities*, 8(1), 1–33.
- [3]. Dương Hữu Biên (2023). Vietnamese fictive motion constructions: a construction grammar approach, *Cogent Arts & Humanities*, 10(1).
- [4]. Fauconnier, G., & Turner, M. (2002). *The way we think: Conceptual blending and the mind's hidden complexities*, Oxford University Press.
- [5]. Lakoff, G. (1987). *Women, fire, and dangerous things: What categories reveal about the mind*, University of Chicago Press.
- [6]. Lakoff, G. & Johnson M. (1980). *Metaphors We Live by*, University of Chicago Press.
- [7]. Langacker, R. W. (1986). Abstract motion, In V. Nikiforidou, M. VanClay, M. Niepokiy, & D. Frder (Eds.), *Proceedings of the twelfth annual meeting of the Berkeley Linguistics Society*, CA, February 15–19 (pp. 455–471), Berkeley Linguistics Society, Inc.
- [8]. Langacker, R. W. (2005). Dynamicity, fictivity, and scanning: The imaginative basis of logic and linguistic meaning, In D. Pecher & R. A. Zwaan (Eds.), *Grounding cognition: The role of*

- perception and action in memory, language, and thinking* (pp. 164–197), Cambridge University Press.
- [9]. Langacker, R. W. (2008). *Cognitive grammar: A basic introduction*, Oxford University Press.
- [10]. Lê Thị Cẩm Vân (2025). *Quy chiếu trong tiếng Việt - Từ không gian đến thời gian*, Nxb Đại học Huế, Huế.
- [11]. Matlock, T. (2004). Fictive motion as cognitive simulation. *Memory & Cognition*, 32(8), 1389–1400. <https://doi.org/10.3758/BF03206329>
- [12]. Özcaliskan, S. (2003). Metaphorical motion in crosslinguistic perspective: A comparison of English and Turkish. *Metaphor and Symbol*, 18(3), 189–228.
- [13]. Talmy, L. (1975). Figure and ground in complex sentences. In C. Cogen, H. Thompson, G. Thurgood, K. Whistler, & J. Wright (Eds.), *Proceedings of the first annual meeting of the Berkeley Linguistics Society*, CA, February 15–17 (pp. 419–430), Berkeley Linguistics Society, Inc.
- [14]. Talmy, L. (1983). How language structures space, In H. L. Pick Jr. & L. P. Acredolo (Eds.), *Spatial orientation: Theory, research, and application* (pp. 225–282), Plenum Press.
- [15]. Talmy, L. (1991). Path to realization: A typology of event conflation, In L. A. Sutton, C. Johnson, & R. Shields (Eds.), *Proceedings of the seventeenth annual meeting of the Berkeley Linguistics Society*, CA, February 15–18 (pp. 480–519), Berkeley Linguistics Society, Inc.
- [16]. Talmy, L. (1996). Fictive motion in language and “ception”, in P. Bloom, M. A. Peterson, L. Nadel, & M. F. Garrett (Eds.), *Language and space* (pp. 211–276), The MIT Press.
- [17]. Talmy, L. (2000a). *Toward a cognitive semantics: Conceptual structuring systems* (Vol. 1), The MIT Press.
- [18]. Talmy, L. (2000b). *Toward a cognitive semantics: Typology and process in concept structuring* (Vol. 2), The MIT Press.
- [19]. Talmy, L. (2017). Past, present, and future of motion research, in I. Ibarretxe-Antuñano (Ed.), *Motion and space across languages: Theory and applications* (pp. 1–12), Human Cognitive Processing.

**FICTIVE MOTION IN VIETNAMESE:
A PRELIMINARY STUDY IN THE TEMPORAL DOMAIN**

Phung Diep Phuong Uyen

Department of Social Sciences & Arts, Saigon University

Email: uyenphung1712@gmail.com

ABSTRACT

Fictive motion has attracted sustained scholarly attention in cognitive linguistics over recent decades. Drawing on Talmy's taxonomy of fictive motion, this study investigates the manifestation of fictive motion in the temporal domain of Vietnamese. The analysis shows that Vietnamese exhibits all six major types identified in Talmy's framework, namely Advent paths, Access paths, Emanation paths, Frame-relative motion, Coextension paths, and Pattern paths. Within the category of Emanation paths, however, only the subtypes Sensory paths and Shadow paths are attested in temporal expressions, whereas the remaining subtypes are not observed. Although confined to the temporal domain, the findings provide an initial basis for extending and evaluating Talmy's theoretical framework in the context of Vietnamese. They also offer further insights into the cognitive mechanisms through which Vietnamese speakers conceptualize and linguistically represent temporal experience.

Keywords: Fictive motion, temporal domain, Vietnamese.